

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN	LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG		Ghi chú
				A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
				10%					30%	60%	100%		
					1	1	1						
1	1913711412	Nguyễn Trần Hoài Bảo	N19DLK1	8	8	9	10		9.0	6.1	7.2	Bảy phẩy Hai	
2	1912711424	Lê Thùy Dung	N19DLK1	7	10	5.5	8		7.8	6.8	7.1	Bảy phẩy Một	
3	1912711433	Lê Thị Khánh Hà	N19DLK1	8	6	8	9		7.7	5.1	6.2	Sáu phẩy Hai	
4	1913711441	Nguyễn Thanh Hòa	N19DLK1	6	5	8	6		6.3	8.7	7.7	Bảy phẩy Bảy	
5	1912711447	Hà Thị Thanh Huyền	N19DLK1	9	6	9	7		7.3	8.2	8.0	Tám	
6	1912711448	Trần Lưu Kim Huyền	N19DLK1	8	5	8.5	8		7.2	6.3	6.7	Sáu phẩy Bảy	
7	1913711450	Trương Nguyễn Đăng Khoa	N19DLK1	5	8	9	8		8.3	5.3	6.2	Sáu phẩy Hai	
8	1912711460	Trần Ngọc Mai	N19DLK1	7	5	5.5	8		6.2	5.1	5.6	Năm phẩy Sáu	
9	1913711463	Võ Đức Hoài Nam	N19DLK1	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
10	1912711465	Trần Thị Nga	N19DLK1	8	8	9.5	8		8.5	9.5	9.1	Chín phẩy Một	
11	1912711467	Lâm Khả Ngân	N19DLK1	8	7	6.5	6.5		6.7	8.7	8.0	Tám	
12	1913711476	Nguyễn Thành Nhân	N19DLK1	6	8	9.5	9		8.8	7.9	8.0	Tám	
13	1913711490	Nguyễn Văn Quý	N19DLK1	7	9	7.5	6		7.5	6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
14	1912711493	Lê Thị Hạ Uyên	N19DLK1	6	10	8	10		9.3	5.9	6.9	Sáu phẩy Chín	
15	1912711497	Phạm Ngọc Bảo Quỳnh	N19DLK1	8	10	9.5	9		9.5	6.7	7.7	Bảy phẩy Bảy	
16	1913711498	Nguyễn Nhật Tân	N19DLK1	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
17	1913711501	Hoàng Thành	N19DLK1	6	8	7	8		7.7	5.5	6.2	Sáu phẩy Hai	
18	1912711503	Trần Thị Thu Thảo	N19DLK1	8	6	10	5.5		7.2	9.5	8.7	Tám phẩy Bảy	
19	1913711530	Lưu Văn Minh Trung	N19DLK1	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
20	1912711533	Nguyễn Thị Minh Tuyền	N19DLK1	8	8	9.5	8		8.5	7.7	8.0	Tám	
21	1912711535	Ngô Thị Thanh Vân	N19DLK1	9	10	7.5	8		8.5	7.5	8.0	Tám	
22	1912711541	Đặng Thị Thúy Vy	N19DLK1	9	5.5	8	7		6.8	7.2	7.3	Bảy phẩy Ba	
23	1913711403	Nguyễn Đình An	N19DLK2	2	9	0	0		3.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
24	1912711404	Nguyễn Thị Vân Anh	N19DLK2	6	9	5.5	6		6.8	7.2	7.0	Bảy	
25	1912711407	Mai Thị Phương Anh	N19DLK2	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
26	1913711420	Nguyễn Tấn Định	N19DLK2	8	9	7	7		7.7	5.5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
27	1813119349	Lê Đức	N19DLK2	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
28	1913711427	Lê Phạm Quang Duy	N19DLK2	9	7	8	8		7.7	6.7	7.2	Bảy phẩy Hai	
29	1912711434	Nguyễn Thị Duy Hà	N19DLK2	5	8	7	5		6.7	6.8	6.6	Sáu phẩy Sáu	
30	1912711438	Trần Thị Thu Hiền	N19DLK2	5	8	9	8		8.3	7.9	7.7	Bảy phẩy Bảy	
31	1813719080	Nguyễn Quốc Hiếu	N19DLK2	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
32	1913711452	Trần Duy Khoa	N19DLK2	7	10	6.5	7		7.8	6.5	6.9	Sáu phẩy Chín	
33	1913711461	Thái Bình Minh	N19DLK2	3	8	6	8		7.3	HP	0.0	Không	HP
34	1912711468	Lê Thị Kiều Ngân	N19DLK2	5	7	8	5.5		6.8	4.5	0.0	Không	
35	1913711477	Phạm Văn Nhân	N19DLK2	7	9	6	7		7.3	7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn	
36	1913711479	Nguyễn Quang Nhật	N19DLK2	7	5	7	7		6.3	9.0	8.0	Tám	
37	1913711483	Lê Văn Nhựt	N19DLK2	9	7	8	5		6.7	5.2	6.0	Sáu	
38	1913711484	Thân Đăng Hồng Phú	N19DLK2	9	9	7.5	6		7.5	5.0	6.2	Sáu phẩy Hai	
39	1912711510	Dương Thị Ngọc Thu	N19DLK2	7	10	7	7		8.0	7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	
40	1912711512	Nguyễn Nguyễn Hoài Thương	N19DLK2	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
41	1913711526	Nguyễn Kim	Trí	N19DLK2	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
42	1912711528	Hồ Thị Tú	Trinh	N19DLK2	8	9	6.5	7		7.5	8.2	8.0	Tám	
43	1913711532	Hà Xuân	Trường	N19DLK2	5	10	8	8		8.7	8.7	8.3	Tám phẩy Ba	
44	1913711539	Huỳnh Ngọc	Vũ	N19DLK2	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
45	1913711538	Hồ Nguyên	Vũ	N19DLK2	8	9	5	8		7.3	7.5	7.5	Bảy phẩy Năm	
46	1713719996	Nguyễn Hoàng Nguyên	Vũ	N19DLK2	6	7	5	5		5.7	7.5	6.8	Sáu phẩy Tám	
47	1912711544	Võ Thị Ngọc	Yến	N19DLK2	7	8	7	8		7.7	7.5	7.5	Bảy phẩy Năm	
48	1913711408	Hồ Văn	Anh	N19DLK3	7	9	7.5	6.5		7.7	7.5	7.5	Bảy phẩy Năm	
49	1913711413	Võ Đức Hoài	Bảo	N19DLK3	8	8	9.5	7.5		8.3	HP	0.0	Không	HP
50	1913711414	Phạm Thanh	Chi	N19DLK3	8	6	8.5	7		7.2	5.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
51	1912711416	Thân Thị Thảo	Chi	N19DLK3	10	10	10	8.5		9.5	6.0	7.5	Bảy phẩy Năm	
52	1913711423	Phạm Minh	Đức	N19DLK3	10	10	10	6		8.7	6.5	7.5	Bảy phẩy Năm	
53	1912711431	Trần Thị Hà	Giang	N19DLK3	9	10	9	6.5		8.5	7.5	8.0	Tám	
54	1912711432	Nguyễn Thị Tường	Giang	N19DLK3	8	8	9.5	6.5		8.0	8.5	8.3	Tám phẩy Ba	
55	1912711435	Trần Thu	Hà	N19DLK3	8	8	8	9.5		8.5	8.5	8.5	Tám phẩy Năm	
56	1913711437	Phùng Ngọc	Hậu	N19DLK3	3	10	9.5	6.5		8.7	HP	0.0	Không	HP
57	1913711440	Trương Diên Bảo	Hiếu	N19DLK3	1	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi,
58	1813719081	Nguyễn Thanh Trung	Hiếu	N19DLK3	0	0	0	0		0.0	CT	0.0	Không	Cấm thi, HP
59	1912711446	Trần Nữ Hoàng	Hường	N19DLK3	6	8	10	9		9.0	9.2	8.8	Tám phẩy Tám	
60	1813719119	Nguyễn Xuân Sơn	Lâm	N19DLK3	8	9	8.5	7.5		8.3	8.8	8.6	Tám phẩy Sáu	
61	1913711457	Trịnh Xuân	Long	N19DLK3	10	7	7	7		7.0	9.2	8.6	Tám phẩy Sáu	
62	1913711459	Đỗ Phú	Lượng	N19DLK3	9	8	5.5	5		6.2	8.8	8.0	Tám	
63	1913711464	Lữ Ngọc	Nam	N19DLK3	10	8	10	7		8.3	8.1	8.4	Tám phẩy Bốn	
64	1912711466	Hồ Thị	Nga	N19DLK3	10	10	10	9		9.7	9.2	9.4	Chín phẩy Bốn	
65	1912711401	Nguyễn Thị Phương	Ngọc	N19DLK3	6	9	10	7		8.7	8.0	8.0	Tám	36383
66	1912711474	Phạm Thị Thúy	Nguyên	N19DLK3	8	10	10	6.5		8.8	6.5	7.3	Bảy phẩy Ba	
67	1912711473	Trần Thảo	Nguyên	N19DLK3	8	9	10	7		8.7	5.6	6.8	Sáu phẩy Tám	
68	1913711475	Hoa Trung	Nguyên	N19DLK3	8	9	8.5	7.5		8.3	4.3	0.0	Không	
69	1913711478	Bùi Anh	Nhân	N19DLK3	7	10	9.5	7		8.8	6.5	7.2	Bảy phẩy Hai	
70	1912711481	Huỳnh Thị Yến	Nhi	N19DLK3	10	10	10	7.5		9.2	5.5	7.1	Bảy phẩy Một	
71	1813719186	Lê Hồng	Phúc	N19DLK3	7	9	9	5.5		7.8	5.0	6.0	Sáu	
72	1912711646	Đỗ Thị Hồng	Phúc	N19DLK3	9	10	8.5	8.5		9.0	6.7	7.6	Bảy phẩy Sáu	
73	1913711487	Phạm Đức	Phước	N19DLK3	8	7.5	7	5		6.5	5.4	6.0	Sáu	
74	1913711492	Phan Ngọc	Quý	N19DLK3	6	9	10	9		9.3	8.0	8.2	Tám phẩy Hai	
75	1912711494	Nguyễn Hữu Anh	Quyên	N19DLK3	9	9	10	8.5		9.2	5.6	7.0	Bảy	
76	1912711495	Hồ Lê Thục	Quyên	N19DLK3	8	10	9	6		8.3	6.9	7.4	Bảy phẩy Bốn	
77	1913711505	Vũ Ngọc	Thiện	N19DLK3	8	6	10	5		7.0	6.4	6.7	Sáu phẩy Bảy	
78	1913711506	Trần Nguyên	Thịnh	N19DLK3	7	8	6.5	7		7.2	HP	0.0	Không	HP
79	1912711508	Hà Thị Thanh	Thoa	N19DLK3	6	8	9.5	6		7.8	5.6	6.3	Sáu phẩy Ba	
80	1913711509	Nguyễn Tiến	Thôi	N19DLK3	8	8	8	7		7.7	3.9	0.0	Không	
81	1912711514	Đỗ Thị Xuân	Thương	N19DLK3	8	9	10	9		9.3	7.5	8.1	Tám phẩy Một	
82	1912711519	Quách Huỳnh Thy	Thy	N19DLK3	7	9	8	7		8.0	4.1	0.0	Không	

TT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN SINH VIÊN		LỚP	Điểm thành phần					ĐTB kiểm tra định kì	F	ĐIỂM TỔNG		Ghi chú
					A	Điểm kiểm tra định kỳ						SỐ	CHỮ	
83	1913711522	Đặng Văn	Tiến	N19DLK3	6	7	6	8		7.0	5.6	6.1	Sáu phẩy Một	
84	1913711523	Đinh Văn	Toàn	N19DLK3	6	7	5.5	7		6.5	5.2	5.7	Năm phẩy Bảy	
85	1913711531	Lê Công	Trung	N19DLK3	9	7	6	5		6.0	HP	0.0	Không	HP
86	1913711534	Phạm Bá	Uy	N19DLK3	8	7.5	7	5		6.5	4.3	0.0	Không	
87	1912711543	Đoàn Trần Như	Ý	N19DLK3	7	9	8.5	9		8.8	7.3	7.7	Bảy phẩy Bảy	
1	1812719282	Huỳnh Thị Ánh	Trình	N18DLK	6	9	10	7		8.7	3.8	0.0	Không	25690
2	1813719174	Trương Minh	Nhật	N18DLK	6	10	9.5	10		9.8	8.5	8.6	Tám phẩy Sáu	24461

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	65	75%	
2	Số sinh viên nợ	22	25%	
TỔNG CỘNG :		87	100%	

LẬP BẢNG

KIỂM TRA
(ký và ghi rõ họ tên)

LÃNH ĐẠO KHOA
(ký và ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng, ngày 11 tháng 03 năm 2016
PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
(ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Phượng

ThS. Nguyễn Ân